

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN THEO HƯỚNG BỀN VỮNG TẠI VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ VIỆT NAM THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Trương Thị Thu Trang

Viện Thông tin Khoa học Xã hội, Viện
Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam
Email: truongthutrangissi@yahoo.com

Ngày nhận bài: 27/02/2021
Ngày phản biện: 08/3/2021
Ngày tác giả sửa: 14/3/2021
Ngày duyệt đăng: 25/3/2021
Ngày phát hành: 30/3/2021

DOI:
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/516>

Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có đường bờ biển dài gần 1.200 km cùng với các điều kiện tự nhiên rất thuận lợi để phát triển kinh tế biển và Nhà nước Việt Nam đã có chính sách nhằm phát triển kinh tế biển ở vùng này theo hướng bền vững. Tuy nhiên, đến nay những chính sách này còn chưa đồng bộ, nhất quán và chưa tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững. Bài viết tìm hiểu thực trạng chính sách phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững tại vùng Duyên hải Nam Trung Bộ trong thời gian gần đây, đồng thời phân tích những thành công và hạn chế, từ đó đề xuất một số giải pháp đồng bộ nhằm thực hiện tốt hơn nữa chính sách phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững đối với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

Từ khóa: Kinh tế biển; Chính sách phát triển; Phát triển bền vững; Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

1. Đặt vấn đề

Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ gồm 8 tỉnh, thành phố (Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận) có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển kinh tế biển như: đường bờ biển của vùng dài gần 1.200 km, với nhiều vũng, vịnh, đầm, ghênh, bán đảo, bãi cát, đảo đá; vùng biển rộng hơn 200.000 km² với tài nguyên biển rất phong phú, giàu tiềm năng nuôi trồng hải sản, tài nguyên du lịch đa dạng; có nhiều vị trí xây dựng cảng biển nước sâu như: Đà Nẵng, Quy Nhơn, Dung Quất, Vân Phong, Cam Ranh (Sáng, 2010, tr. 56)... Chính quyền các tỉnh trong vùng đã có chính sách phát triển kinh tế biển nhằm phát huy lợi thế của địa phương và đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế biển của toàn vùng theo hướng bền vững còn nhiều hạn chế và khó khăn, thách thức như: phát triển kinh tế biển chưa gắn kết hài hòa với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường; ô nhiễm môi trường biển còn diễn ra ở nhiều nơi; một số tài nguyên biển bị khai thác quá mức; sự liên kết giữa các vùng còn thiếu chặt chẽ, kém hiệu quả... Do đó, thực hiện tốt hơn nữa việc phát triển hài hòa giữa kinh tế và bảo tồn biển và phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững là yêu cầu cấp thiết, cần được Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền ở địa phương thường xuyên quan tâm, nghiên cứu để có những chính sách phù hợp.

2. Tổng quan nghiên cứu

Việc khảo sát cho thấy hiện đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về phát triển kinh tế biển theo

hướng bền vững theo những nhóm nội dung, trong đó có một số công trình nghiên cứu tiêu biểu như: Trương Đình Hiền (2009), “Hướng tới một quốc gia kinh tế biển”; Trần Đình Thiên (2011), “Về chiến lược kinh tế biển của Việt Nam”; Trương Minh Tuấn (2013), “Phát triển kinh tế biển: cần có tầm nhìn chiến lược”... Các công trình này nêu những chủ trương, nội dung của phát triển kinh tế biển ở nước ta đã được xác định, triển khai từ rất sớm và mang tính xuyên suốt. Sự kết hợp tổ chức triển khai thực hiện được xác định ở tất cả các cấp, các lĩnh vực. Phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, sớm đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm an ninh - quốc phòng và hợp tác quốc tế. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với an ninh - quốc phòng trong từng quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và trên từng địa bàn.

Bên cạnh đó, còn một số công trình nghiên cứu về các nguồn tài nguyên biển, lợi thế, tiềm năng kinh tế biển, vai trò của quản lý kinh tế biển của Việt Nam như: Lại Lâm Anh (2013), “Quản lý kinh tế biển: Kinh nghiệm quốc tế và vận dụng vào Việt Nam”; Nguyễn Thị Thu Hà (2013), “Đầu tư phát triển cảng biển Việt Nam giai đoạn 2005-2020”; Nguyễn Bá Ninh (2012), “Kinh tế biển ở các tỉnh Nam Trung Bộ Việt Nam trong hội nhập quốc tế”... cho rằng, sự phát triển của kinh tế biển ở nước ta vẫn chưa xứng tầm với các điều kiện và lợi thế sẵn có. Các ngành kinh tế có liên quan trực tiếp tới khai thác biển bước đầu phát triển. Cơ sở hạ tầng các vùng biển, ven biển và hải đảo còn yếu kém. Hệ thống cảng biển nhỏ bé, mạng lưới tàu thuyền, trang

thiết bị nhìn chung còn lạc hậu và chưa đồng bộ nên hiệu quả thấp. Bên cạnh đó, hệ thống các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ biển, đào tạo nhân lực cho kinh tế biển còn ít. Ngành du lịch biển vẫn thiếu những sản phẩm dịch vụ biển đặc sắc, có tính cạnh tranh cao so với khu vực.

Trong khi đó, các công trình nghiên cứu về các nội dung và giải pháp quản lý phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững như: Trần Danh Lâm, Minh Trí và Phong Nguyễn (2008), “Giải pháp phát huy thế mạnh kinh tế biển miền Trung”; Đoàn Văn Ba (2008), “Phát triển kinh tế biển nhằm góp phần xóa đói giảm nghèo vùng ven biển Thừa Thiên Huế”; Đào Hữu Hòa (2009), “Đẩy mạnh hoạt động đánh bắt thủy sản gắn với yêu cầu phát triển bền vững tại Thành phố Đà Nẵng”... cho thấy, đề quản lý phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững, Việt Nam cần tập trung vào các nhóm giải pháp như: chú trọng quy hoạch và tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách, luật pháp; có cơ chế phù hợp để hỗ trợ phát triển kinh tế biển. Tăng cường hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp ngoài nước để thu hút nguồn vốn đầu tư. Hình thành và phát triển một số ngành mũi nhọn: du lịch, dịch vụ biển, khai thác và nuôi trồng hải sản. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học về quản lý, phát triển kinh tế biển nhằm khai thác, sử dụng bảo vệ các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường biển. Có biện pháp kịp thời ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Trong đó, cần kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh - quốc phòng, hợp tác quốc tế.

Tuy nhiên, hiện chưa có công trình nghiên cứu cụ thể về thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững tại vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Đây là khoảng trống nghiên cứu mà bài viết hướng tới để các nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách có cái nhìn toàn diện hơn về thực trạng chính sách phát triển kinh tế biển hiện nay và một số giải pháp cơ bản hiệu quả hơn trong giai đoạn tới.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cơ bản như: Phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp, phương pháp tổng hợp, phân tích tài liệu nhằm làm rõ nội hàm của việc phát triển kinh tế biển, từ đó có những phân tích, đánh giá toàn diện, cụ thể về thực trạng chính sách phát triển kinh tế biển; đồng thời đưa ra những giải pháp cơ bản đối với phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững tại vùng Duyên hải Nam Trung Bộ trong thời gian tới.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Khái niệm phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững

Kinh tế biển được hiểu là tổng thể các quan hệ kinh tế đặc thù gắn với không gian biển thông qua hoạt động của các chủ thể trực tiếp diễn ra trên biển, các ngành nghề ở đất liền nhưng nhờ vào yếu tố biển, hoặc có liên quan đến khai thác, sử dụng biển và phân bổ đóng góp của các hoạt động liên kết, hỗ trợ

nhằm đạt được sự phát triển bền vững, sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên biển, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Với khái niệm này, kinh tế biển không chỉ đơn thuần là các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển, mà còn phải kể đến tất cả các hoạt động kinh tế gắn với biển diễn ra ở các hải đảo và dải đất liền ven biển. Kinh tế biển là một bộ phận của nền kinh tế quốc dân, bao gồm các hoạt động kinh tế diễn ra trong một vùng có biển.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về phát triển bền vững tổ chức ở Johannesburg (Cộng hòa Nam Phi), năm 2002 đã xác định: Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển, gồm: kinh tế, xã hội và môi trường. *Về kinh tế*, đó là sự tăng trưởng cao, hiệu quả và ổn định. *Về xã hội*, đó là việc xóa đói giảm nghèo, xây dựng thể chế và bảo tồn những di sản văn hóa của dân tộc. *Về môi trường*, đó là việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, ngăn chặn ô nhiễm môi trường, đảm bảo sự đa dạng sinh học.

Ở Việt Nam quan điểm về phát triển bền vững được thể hiện trong Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (2001): “Phát triển bền vững là phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”.

Theo Điều 42, Luật biển Việt Nam năm 2012, “Phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững, hiệu quả theo các nguyên tắc: 1. Phục vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; 2. Gắn với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền quốc gia, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn trên biển; 3. Phù hợp với yêu cầu quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; 4. Gắn với phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương ven biển và hải đảo”(Quốc hội, 2012: Điều 42).

Vận dụng lý thuyết phát triển bền vững đối với lĩnh vực kinh tế biển gắn với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền quốc gia, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn trên biển, có thể hiểu, “Phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững là phát triển kinh tế biển trong đó tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế biển được duy trì cao và ổn định, đảm bảo yêu cầu về sự hài hòa giữa các mặt kinh tế, xã hội, môi trường và đảm bảo an ninh – quốc phòng” (Đặng, 2018: 28).

4.2. Thực trạng chính sách phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững tại vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

Kể từ khi Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09/02/2007 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X “Về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020” được triển khai, các tỉnh, thành phố gồm Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hoà, Bình Thuận đã ban hành Chương trình phát triển kinh tế biển, đề ra mục tiêu và giải pháp chính sách phát triển kinh tế biển phù hợp với lợi thế của địa phương. Một số tỉnh như Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và Ninh Thuận đã ban hành Nghị quyết và có Đề án cụ thể phát triển kinh tế biển, tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng và đào tạo nguồn nhân lực kinh tế biển. Các tỉnh cũng tích

cực quang bá, tổ chức các sự kiện văn hoá, thể thao quốc gia và quốc tế gây tiếng vang trong nước và quốc tế để phát huy lợi thế so sánh kinh tế biển, thu hút nhiều nhà đầu tư đến vùng.

Trong phạm vi bài viết này, chính sách phát triển kinh tế biển được hiểu là các chính sách thực hiện Chiến lược kinh tế biển Việt Nam gồm: chính sách phát triển kinh tế thuần biển; chính sách phát triển kinh tế ven biển và gắn với biển. Do đó, nội dung này sẽ tập trung nêu và phân tích tình hình ban hành các nhóm chính sách này và kết quả thu được từ việc thực thi các chính sách đó ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

Các chính sách phát triển kinh tế thuần biển

Các tỉnh đều tích cực thực thi Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/07/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản như: hỗ trợ đóng mới, nâng cấp tàu cá, hỗ trợ khai thác trên các vùng biển xa, nâng cao năng lực khai thác hải sản, hiệu quả sản xuất, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu tàu thuyền, nghề khai thác theo hướng vươn khơi, quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện cho ngư dân sản xuất ổn định, vươn lên khá, giàu; làm tốt công tác tuyên truyền và thực hiện hiệu quả Luật Thủy sản năm 2017; cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống hạ tầng nghề cá, dịch vụ nghề cá; đầu tư xây dựng cảng cá, chợ đầu mối thủy sản... Đồng thời, các tỉnh trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đã ban hành nhiều chính sách riêng để phát triển thủy sản và nghề biển của địa phương như: có những cơ chế phát triển riêng hình thành những vùng nuôi chuyên canh lớn, trong đó tỉnh Phú Yên có chính sách khuyến khích nuôi biển, còn Bình Định và Khánh Hòa có chính sách ưu tiên cho các trung tâm cung cấp giống thủy, hải sản nhằm đưa địa phương trở thành nơi cung cấp giống, hải sản hàng đầu cả nước.

Ngoài ra, các tỉnh đều có chính sách thực hiện tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí, quặng Titan ở các vùng nước sâu, xa bờ. Hầu hết, đến nay các tỉnh trong vùng đều lựa chọn du lịch biển là ngành kinh tế quan trọng, các tỉnh Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bình Thuận xác định du lịch biển là ngành kinh tế mũi nhọn.

Việc thực thi các chính sách phát triển kinh tế thuần biển của các tỉnh trong vùng đã thu được những kết quả tích cực. Tính đến năm 2019, đóng góp của các tỉnh, thành duyên hải Nam Trung bộ vào GDP cả nước luôn đạt tỷ lệ cao, trong đó kinh tế thuần biển gồm khai thác và chế biến dầu khí trên biển, hàng hải, nuôi trồng và khai thác hải sản, du lịch biển liên tục giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế quốc gia với mức đóng góp vào GDP cả nước đạt khoảng 10% (Nhưng, 2019).

Tuy nhiên, các chính sách phát triển kinh tế thuần biển của một số tỉnh trong vùng còn chưa chú trọng đến phát triển bền vững, việc khai thác tài nguyên sinh vật biển ồ ạt khiến các hệ sinh thái biển, đa dạng sinh học biển bị suy giảm. Nghề nuôi trồng thủy sản và sản xuất giống tại khu vực Nam

Trung Bộ đang phải đối mặt nhiều trở ngại lớn như biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp; công tác quy hoạch nghề nuôi biển chưa tốt gây ra tình trạng phát triển ồ ạt, chông chéo; ô nhiễm môi trường nuôi trồng ngày càng nặng... (Hương, 2019). Việc khai thác dầu khí và quặng Titan quá mức đã hủy hoại cảnh quan và địa hình tự nhiên; Làm gia tăng hiện tượng cát bay; Gây ô nhiễm nguồn nước ngầm. Quá trình khai thác và chế biến sâu quặng titan đã thải ra nhiều hóa chất độc hại ra môi trường, làm tích tụ và phát tán chất phóng xạ (dù chỉ ở mức độ ít nguy hiểm). Chính sách phát triển du lịch biển chưa tạo được sự gắn kết du lịch biển với không gian văn hóa miền biển, các di tích, lễ hội, làng nghề... chưa nhuần nhuyễn. Việc bảo vệ môi trường và xây dựng nếp sống văn minh du lịch còn nhiều bất cập dẫn tới nguy cơ sản phẩm du lịch biển có thể bị suy thoái nhanh (Đặng, 2018).

Các chính sách phát triển kinh tế ven biển và gắn với biển

Việc ban hành các chính sách phát triển kinh tế ven biển và gắn với biển cũng được các tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ chú trọng, trong đó, Quảng Ngãi, Bình Định ưu tiên đầu tư cảng biển, vận tải biển và chế biến dầu khí; Quảng Nam ưu tiên đầu tư cho khu kinh tế mở Chu Lai; Đà Nẵng lựa chọn xây dựng khu công nghệ cao ven biển. Quan điểm chung của các tỉnh trong vùng là ưu tiên lựa chọn những ngành, lĩnh vực có lợi thế để đầu tư. Đặc biệt, các tỉnh trong vùng đã rất mạnh dạn đầu tư xây dựng cảng biển, sân bay và đường bộ như các cảng lớn như: Tiên Sa (Đà Nẵng), Kỳ Hà (Quảng Nam), Dung Quất (Quảng Ngãi), Quy Nhơn - Nhơn Hội (Bình Định), Vũng Rô (Phú Yên), Cam Ranh, Nha Trang và cảng trung chuyển Quốc tế Vân Phong (Khánh Hòa)... Các sân bay lớn trong vùng đã có là sân bay Đà Nẵng, Phú Bài, Cam Ranh, Chu Lai... Hệ thống đường bộ đã được xây dựng gồm trục giao thông Bắc - Nam, hành lang kinh tế Đông - Tây và đường nối vùng duyên hải với các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, nối các cảng biển Việt Nam với các nước láng giềng như Lào, Thái Lan và Campuchia... Trong đó, vùng đã từng bước kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế biển với quốc phòng, an ninh.

Đến năm 2019, vùng đã đầu tư 5 khu kinh tế biển gồm Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong và 21 khu công nghiệp ven biển, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ như cầu, đường, sân bay, cảng biển kết nối với chuỗi đô thị ven biển, và các vùng khác trong nước và quốc tế để phát huy lợi thế, đưa biển gần hơn với trung tâm đô thị. Điển hình như: Khu kinh tế mở Chu Lai (Quảng Nam) có khu cảng tự do gắn với cảng Kỳ Hà và sân bay quốc tế Chu Lai... với nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi vượt trội, tập trung đầu tư giải quyết tất cả mọi thủ tục liên quan đến dự án đầu tư, tiết kiệm thời gian và chi phí cho nhà đầu tư. Trong xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ kinh tế biển đều có tính "lường chừng", đáp ứng tốt yêu cầu quốc phòng,

an ninh, bảo vệ Tổ quốc (Hương, 2019).

Hơn nữa, các tỉnh trong vùng đã có thỏa thuận liên kết vùng, có cơ chế điều phối, có tổ chức họp giao ban định kỳ (3 tháng, 6 tháng...) để đánh giá thực hiện các nội dung cam kết liên kết vùng, luân phiên tổ chức hội thảo bàn về các nội dung liên kết như: liên kết phát triển du lịch biển, đào tạo nhân lực, phát triển hạ tầng; liên kết thu hút đầu tư, khai thác kinh tế hàng hải; khai thác thủy sản, phối hợp triển khai chính sách... Liên kết vùng đã có nhiều đóng góp tích cực khắc phục tình trạng “mạnh ai nấy làm”, chia cắt manh mún, xung đột lợi ích, góp phần khai thác hiệu quả hơn tiềm năng kinh tế biển của vùng (Đặng, 2018).

Đến nay, các tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ cũng ban hành nhiều chính sách phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị ven biển như: chính sách phát triển các khu công nghiệp, ngành công nghiệp hậu cần nghề cá giúp cho việc đánh bắt, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm ngày càng tốt hơn; chính sách phát triển các tuyến giao thông ven biển, hệ thống điện lưới quốc gia, thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, kết cấu hạ tầng nghề cá và nuôi trồng thủy sản được ban hành khá đồng bộ; chính sách phát triển trung tâm dịch vụ khu logistics; Xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng phát triển du lịch biển và phát triển khu đô thị ven biển; quy hoạch, chấp thuận những dự án khu khách sạn, nghỉ dưỡng, trung tâm thương mại lớn, sầm uất nhưng không quá cao, có khoảng không gian hở cho đô thị, cách xa bờ biển để tạo thông thoáng thuận tiện cho người dân ra biển.

Ngoài ra, các tỉnh đều rất quan tâm đào tạo nguồn nhân lực phục vụ kinh tế biển đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Hiện nay, vùng có 57 trường đại học và cao đẳng, xếp thứ 3 sau đồng bằng sông Hồng và vùng Đông Nam Bộ, với tổng số giảng viên chiếm khoảng 10% so với cả nước, hàng năm đào tạo 200.000 sinh viên, chiếm 12% số sinh viên cả nước, cung cấp nhân lực chất lượng cao cho kinh tế biển của vùng (Ninh, 2012).

Tuy nhiên, do tư duy phát triển dần trải dựa trên tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên nên dẫn đến những xung đột giữa lợi ích địa phương và lợi ích toàn vùng. Các tỉnh vẫn còn lúng túng, bị động trong triển khai các bước liên kết để phát triển kinh tế biển. Chính sách đầu tư các ngành kinh tế biển chủ lực của nhiều tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ còn trùng lặp nên địa phương nào cũng bị phân tán nguồn lực đầu tư, như việc tỉnh nào cũng xây cảng biển, tỉnh nào cũng làm khu kinh tế ven biển, sân bay, khu du lịch... nhưng lại thiếu nguồn hàng, không khai thác hết công suất thiết kế, làm cản trở tổ chức không gian phát triển kinh tế biển của toàn vùng (Hương, 2019). Trong khi đó, nguồn nhân lực kinh tế biển chất lượng còn chưa cao, thiếu trầm trọng đội ngũ cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý có năng lực, là một trong những cản trở lớn đối với phát triển kinh tế biển của vùng. Ngoài ra, một số chính sách phát triển kinh tế ven biển và gắn với biển của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ còn chưa

gắn kết hài hòa với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Ô nhiễm môi trường biển ở nhiều nơi còn diễn ra nghiêm trọng, ô nhiễm rác thải nhựa đã trở thành vấn đề cấp bách. Môi trường biển đang chịu nhiều thách thức và các mối đe dọa trầm trọng khi các địa phương, các dân cư ven biển ngày càng gia tăng các hoạt động kinh tế ven biển. Nhiều cửa sông ven biển bị ô nhiễm do nước thải từ các khu công nghiệp, khu đô thị thải ra và sự gia tăng về tần suất cũng như mức độ ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, biển xâm thực còn nhiều hạn chế (Nhưng, 2019).

5. Thảo luận

Từ những vấn đề thực trạng nêu trên cho thấy, để khắc phục những hạn chế, khó khăn và thách thức trong thực thi chính sách phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững tại vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, trước hết chúng ta cần tiếp tục quan tâm, nghiên cứu và thực hiện đồng bộ một số giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, Nhà nước cần tiếp tục ban hành nhiều chính sách khác nhau nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế biển đi đôi với việc bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng bảo vệ tài nguyên biển, hoàn thiện hệ thống, công cụ pháp lý về khai thác hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển bền vững biển. Việc xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về biển đã tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc đảm bảo cho việc thực hiện thành công công tác quản lý, khai thác hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

Thứ hai, các tỉnh cần quán triệt sâu sắc Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế biển, lấy kinh tế biển để thúc đẩy sự phát triển của vùng và cả nước, tạo ra việc làm thu hút lao động và thúc đẩy thủy sản phát triển. Nhiệm vụ bảo vệ môi trường là nội dung quan trọng, không thể tách rời trong phát triển kinh tế biển mà các địa phương cần quán triệt. Không phát triển kinh tế bằng mọi giá mà coi nhẹ việc bảo vệ môi trường. Cần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đặc biệt là quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất, nước, khoáng sản và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác.

Thứ ba, các tỉnh cần ưu tiên lựa chọn một số ngành kinh tế biển có lợi thế so sánh để đầu tư, dựa trên thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý, nguồn nhân lực dồi dào, lao động rẻ... để tập trung đầu tư khai thác lợi thế so sánh, thúc đẩy tăng trưởng khá nhanh một số ngành kinh tế biển giá trị gia tăng cao như: du lịch biển, vận tải biển, khai thác cảng, khai thác và nuôi trồng thủy sản, dầu khí... Trong đó, đặc biệt chú trọng phát triển thủy sản một cách bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng ngành thủy sản thành ngành kinh tế mũi nhọn và là khâu đột phá về kinh tế, là hướng làm giàu của các tỉnh, thành phố trong vùng. Từng bước

chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành theo hướng đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là tôm, cua và các đặc sản cho nhu cầu du lịch và xuất khẩu. Phát triển nghề cá của vùng gắn với việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phân bổ lao động dân cư nông thôn miền biển. Đẩy mạnh công tác khuyến ngư, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh phát triển kinh tế du lịch biển, đảo ngày càng hấp dẫn thu hút du khách trong nước và quốc tế; làm tốt công tác quy hoạch, liên kết giữa các vùng miền và các quốc gia, tạo điều kiện để phát triển du lịch biển, đảo; khai thác tài nguyên du lịch biển đảo một cách hợp lý, không được phép làm suy giảm cạn kiệt tài nguyên, phá hủy môi trường (Đặng, 2018).

Thứ tư, cần quan tâm hơn nữa phát triển nguồn nhân lực phục vụ kinh tế biển, thông qua xây dựng nhiều trường đại học, cao đẳng và dạy nghề đào tạo nhân lực phục vụ kinh tế biển. Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, đầu tư xây dựng các viện nghiên cứu khoa học và công nghệ biển trực thuộc các trường đại học, khu công nghệ cao, vườn ươm công nghệ... phục vụ kinh tế biển, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế biển. Đồng thời, cần có chính sách thu hút nhân tài đến làm việc tại vùng. Thường xuyên cung cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp kinh tế biển để giúp những người giỏi tìm được việc làm, ổn định cuộc sống. Có chính sách tiền lương hấp dẫn để khuyến khích nhiều người vào học các ngành kinh tế biển và thu hút nhân tài ở nơi khác đến làm việc tại vùng (Ninh, 2012).

Thứ năm, cần đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế biển. Tập trung nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ kinh tế biển theo hướng ưu tiên các ngành mới, các khoa học và công nghệ giúp nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các ngành như: thủy sản, du lịch biển, hàng hải, dầu khí, công nghiệp khí - điện - đạm, vật liệu xây dựng, xây dựng đô thị biển, kinh tế đảo... Đầu tư thỏa đáng cho khoa học và công nghệ năng lượng tái tạo biển. Coi trọng cả nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn. Đặc biệt, Bộ Khoa học và Công nghệ cần chỉ đạo các viện nghiên cứu, trường đại học... đẩy mạnh nghiên cứu vùng nước sâu, xa bờ để phục vụ khai thác và bảo vệ chủ quyền biển. Nghiên cứu, ứng dụng các khoa học và công nghệ mới, tiên tiến trong giám sát, điều tra tài nguyên, môi trường biển, phòng tránh thiên tai và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn. Hỗ trợ các doanh nghiệp kinh tế biển ở vùng ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, chú trọng trong hợp tác quốc tế để tiếp thu các thành tựu khoa học và công nghệ cao ứng dụng vào hoạt động đánh bắt, nuôi trồng và chế biến hải sản; đẩy mạnh công nghệ sinh học biển, công nghệ dược phẩm và y sinh học biển, hoá chất và năng lượng tái tạo biển... Tăng cường ứng dụng và đổi mới khoa học và công nghệ phục vụ kinh tế biển như: cơ khí, đóng tàu, vận

tải biển, xây dựng công trình trên biển, ven biển, công nghệ xử lý chất thải... Tăng cường công tác nghiên cứu cơ bản, giải quyết các vấn đề mang tính công nghệ quan trọng như đánh giá tài nguyên, dự báo thời tiết... Nâng cao công nghệ quan trắc môi trường biển để phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai. Đổi mới quản lý khoa học theo hướng gắn nghiên cứu với sử dụng kết quả, kích thích nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ biển; thực hiện cơ chế đặt hàng khoa học và công nghệ, áp dụng cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng; đảm bảo cấp phát tài chính kịp thời, phù hợp với tiến độ đặt hàng và phê duyệt nhiệm vụ, tạo thuận lợi tối đa cho các nhà khoa học nghiên cứu khoa học và công nghệ biển. Đẩy mạnh xây dựng thị trường khoa học và công nghệ, phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ kỹ thuật, môi giới, chuyên gia, tư vấn, đánh giá và định giá công nghệ biển. Khẩn trương thành lập và đưa vào hoạt động các quỹ khoa học và công nghệ hỗ trợ nghiên cứu khoa học và công nghệ biển (Hương, 2019).

Thứ sáu, phát triển kinh tế biển trong liên kết vùng Duyên hải Nam Trung Bộ với sự gia tăng về quy mô, cơ cấu, số lượng, chất lượng của các phân ngành kinh tế biển trên cơ sở kết nối chặt chẽ với các ngành kinh tế khác của vùng để thiết lập các quan hệ liên kết kinh tế, tổ chức sản xuất theo hướng hiện đại, tận dụng tối đa các nguồn lực, phát huy hết tiềm năng lợi thế của vùng nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng và quốc gia. Bảo đảm sự liên kết phát triển kinh tế biển bền vững, trong đó, không chỉ giới hạn ở liên kết vùng, liên kết giữa các địa phương mà còn liên kết từ trong nhận thức, từ chủ trương, chính sách, liên kết giữa các vùng, địa phương, ngành cho đến mọi người dân.

Thứ bảy, các tỉnh cần thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi khai thác và sử dụng tài nguyên biển trái phép, gây ô nhiễm môi trường. Phối hợp kiểm soát hiệu quả các nguồn ô nhiễm từ các hoạt động trên biển, nghiêm túc trong việc đánh giá tác động môi trường, tài nguyên trước khi quyết định phát triển lĩnh vực kinh tế - xã hội tại các vùng ven biển.

6. Kết luận

Phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững là yêu cầu đòi hỏi chung đối với tất cả các tỉnh có biển ở Việt Nam cũng như đối với một số tỉnh của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Nhiều chính sách phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững đã được các tỉnh trong vùng thực hiện và đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, với những khó khăn, hạn chế còn tồn tại, trong thời gian tới, các tỉnh trong vùng cần tiếp tục nỗ lực hơn nữa trong việc đề ra và thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm phát triển kinh tế biển bền vững, vừa đảm bảo tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế biển được duy trì cao và ổn định, vừa đảm bảo yêu cầu về sự hài hòa giữa các mặt kinh tế, xã hội, môi trường và đảm bảo an ninh - quốc phòng là vấn đề cấp thiết trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Dục, T.M. (2020). *Kết hợp phát triển kinh tế biển với bảo vệ chủ quyền biển, đảo - Giải pháp then chốt trong thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển*. Truy cập ngày 10/7/2020, từ <http://lyluanchinhtri.vn>.
- Đặng, H.V. (2018). *Phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững tại tỉnh Bình Định*. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Thương mại.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2001). *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2018). *Nghị quyết số 36-NQ/TW về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”*. Truy cập ngày 10/7/2020, từ <https://thuvienphapluat.vn>.
- Gardner, S., Tonts, M. & Elrick, C. (2006). *Asocio - economic analysis and description of the marine industries of Australia’s south-west marine region*. Australian Government: Prepared for the Department of the Environment and Water Resources p. 1-3.
- Hương, L. (2019). *Thúc đẩy kinh tế biển duyên hải Nam Trung Bộ bằng khoa học và công nghệ*. Truy cập ngày 10/7/2020, từ <http://baochinhphu.vn/Bien-Viet-Nam/Thuc-day-kinh-te-bien-duyen-hai-Nam-Trung-Bo-bang-KHCN/368835.vgp>.
- Nhung, H. (2019). *Phát triển bền vững kinh tế biển vùng duyên hải Nam Trung bộ*. Truy cập ngày 10/7/2020, từ <http://kinhtedothi.vn/phat-trien-ben-vung-kinh-te-bien-vung-duyen-hai-nam-trung-bo-346047.html>.
- Ninh, N.B. (2012). *Kinh tế biển ở các tỉnh Nam Trung Bộ Việt Nam trong hội nhập quốc tế*. Luận án Tiến sĩ kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- Quang, P. V. (2019). *Phát triển kinh tế biển ở vùng Tây Nam của Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- Quốc hội. (2012). *Luật Biển Việt Nam*. Truy cập ngày 10/7/2020, từ <https://thukyluat.vn/vb/luat-bien-viet-nam-2012-23086.html>.
- Rui Zhao, S. H. & Guang, S. H. (2015). *Blue growth in the middle kingdom: An analysis of China’s ocean econom*. National University of Ireland, Galway: Sea Change.
- Sáng, H. T. (2010). *Khai thác tiềm năng kinh tế biển, đảo ở các tỉnh duyên hải miền Trung - thực trạng và giải pháp*. Đề tài khoa học cấp bộ, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
- Thắng, B. T. (2007). Quan niệm và giải pháp chủ yếu của chiến lược biển Việt Nam, *Tạp chí Lý luận chính trị*, 5, tr.18-22.
- Tổng cục Thống kê. (2017). *Niên giám thống kê năm 2016*. Hà Nội: Nxb Thống kê.

**POLICIES FOR SUSTAINABLE DEVELOPMENT OF MARINE ECONOMY
IN THE SOUTH CENTRAL COAST OF VIETNAM
SITUATION AND SOLUTIONS**

Truong Thi Thu Trang

Institute of Social Sciences Information,
Vietnam Academy of Social Sciences
Email: truongthutrangissi@yahoo.com

Received: 27/02/2021
Reviewed: 08/3/2021
Revised: 14/3/2021
Accepted: 15/3/2021
Released: 30/3/2021

DOI:
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/516>

Abstract

The South Central Coast region has a coastline of nearly 1,200 km along with favorable natural conditions for the development of the marine economy and the Vietnam Government has had some policies to develop the marine economy in this region in a sustainable way. However, these policies are not comprehensive, consistent and do not create a favorable environment to develop the marine economy in a sustainable way. This article explores the sustainable marine economic development policies in the South Central Coast region in recent times, analyzes the successes and limitations, thereby proposes some solutions to improve efficiency of policies on developing the marine economy towards sustainability in the South Central Coast region in the coming time.

Keywords

Marine economics; Development policy; Sustainable development; Middle South coastal.